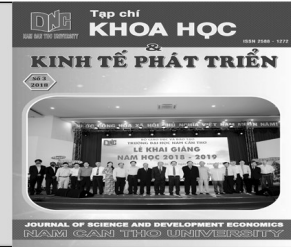




Tạp chí Khoa học và Kinh tế Phát triển
Trường Đại học Nam Cần Thơ

Website: jsde.nctu.edu.vn



Cơ cấu kinh tế nông nghiệp tỉnh Quảng Ngãi chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa: Thực trạng và giải pháp

Trần Thị Trương^{1*}, Lê Thị Tuyết Dung¹

¹Trường Đại học Tài chính - Kế toán

*Người chịu trách nhiệm bài viết: Trần Thị Trương (email: tranthitruong@tckt.edu.vn)

Ngày nhận bài: 8/4/2024

Ngày phản biện: 20/4/2024

Ngày duyệt đăng: 10/5/2024

Title: Agricultural economic structure transformation in Quang Ngai Province in the manufacture of goods: situation and solutions

Keywords: agricultural economic restructuring, high-tech agriculture, production of goods, value chain

Từ khóa: cơ cấu, chuỗi giá trị, công nghệ cao, kinh tế nông nghiệp, sản xuất hàng hóa

ABSTRACT

The restructuring of Quang Ngai Province's agricultural economy towards commodity production is essential for boosting farmers' incomes and driving local economic development. This article aims to analyze and evaluate the current state of agricultural economic restructuring towards commodity production in Quang Ngai Province, and propose solutions to enhance it. The article utilized the deductive method, as well as inductive and descriptive statistics, to analyze the situation and identify the underlying causes. The research suggested solutions such as developing agriculture along the value chain, promoting local key product brands, upgrading the value chain of local key products through high-tech agriculture, and implementing other measures.

TÓM TẮT

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp tỉnh Quảng Ngãi chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa là vô cùng quan trọng và cấp bách nhằm nâng cao thu nhập cho người nông dân, đóng góp cho sự phát triển kinh tế của địa phương. Nghiên cứu nhằm phân tích và đánh giá thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện cơ cấu kinh tế nông nghiệp được chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa ở tỉnh Quảng Ngãi. Phương pháp được sử dụng trong bài viết là phương pháp diễn dịch; phương pháp quy nạp và thống kê mô tả để phân tích thực trạng và tìm hiểu nguyên nhân, bài viết đã đưa ra các giải pháp để hoàn thiện cơ cấu kinh tế nông nghiệp tỉnh Quảng Ngãi được chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa như: phát triển nông nghiệp theo chuỗi giá trị gắn với phát triển thương hiệu sản phẩm chủ lực của địa phương; nâng cấp chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực của địa phương theo hướng nông nghiệp công nghệ cao và một số giải pháp khác.

1. GIỚI THIỆU

Qua tổng kết 5 năm thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (2015-2020) [5], giá trị sản xuất toàn ngành tăng trưởng khá ổn định, cơ cấu kinh tế ngành chuyển dịch đúng theo định hướng; cơ cấu mùa vụ, giống cây trồng được chuyển đổi, cây trồng có giá trị sản phẩm tăng dần qua các năm; thực hiện tốt công tác dồn điền, đổi thửa, xây dựng cánh đồng lớn để hình thành nhiều vùng sản xuất tập trung, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ giới hóa và ứng dụng công nghệ đồng bộ vào sản xuất; sản lượng lương thực tăng ổn định,... Tuy nhiên, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chưa nhiều, phổ biến vẫn là sản xuất nhỏ, phân tán. Sản xuất tập trung theo hướng hàng hóa bước đầu đã hình thành nhưng quy mô còn nhỏ, nông sản tiêu thụ trên thị trường chủ yếu nông sản hàm lượng giá trị gia tăng chưa cao; sự tập trung vào công việc định hướng và dự báo thị trường vẫn còn hạn chế. Vì thiếu thông tin thị trường, nhiều sản phẩm như dưa hấu, ớt,... vẫn thường xuyên phải đối mặt với tình trạng "được mùa, mất giá"; chưa thiết lập sự kết nối hiệu quả giữa quá trình sản xuất, thu mua, chế biến, và tiêu thụ nông sản, điều này đang gây hạn chế trong việc tăng giá trị của sản phẩm. Trước tình hình này, ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Ngãi cần thực hiện một sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, tập trung vào sản xuất hàng hóa, để đảm bảo tính cần thiết và cấp bách, nhằm nâng cao thu nhập cho cộng đồng nông dân. Tuy nhiên, vấn đề này tác giả chưa tìm thấy một nghiên cứu nào thật sự cụ thể và chi tiết cho tỉnh Quảng Ngãi. Vì thế, nghiên cứu này nhằm giải quyết hai mục tiêu chính: (1) Đánh giá tình hình hiện tại của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa trong tỉnh Quảng Ngãi; (2) Đề xuất những giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tại tỉnh Quảng Ngãi.

2. PHƯƠNG TIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP

2.1 Phương tiện

Các số liệu được tổng hợp từ niên giám thống kê, báo cáo của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi từ 2019-2022. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp gồm nhiều chuyên ngành, bài viết này tập trung phân tích hai chuyên ngành chính là trồng trọt và chăn nuôi.

2.2 Phương pháp

Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng chủ yếu là: (1) Phương pháp diễn dịch; (2) Phương pháp quy nạp; (3) Phương pháp phân tích thống kê mô tả; (4) Phương pháp chuyên gia.

2.2.1 Sản xuất hàng hóa và cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch theo hướng hàng hóa

Theo Lê Đình Thắng (1998) [3], chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp là quá trình thay đổi tổ chức và mối quan hệ tương tác trong hệ thống theo các hướng và mục tiêu nhất định, nhằm đưa hệ thống từ một trạng thái cụ thể đến trạng thái phát triển tối ưu, nhằm đạt được hiệu suất mong muốn. Quá trình này được thực hiện thông qua sự kiểm soát có chủ đích của con người, dựa trên việc áp dụng chính xác các quy luật khách quan.

Theo Phạm Nguyệt Thương (2008) [4], sản xuất hàng hóa đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế của mỗi quốc gia. So với hình thức kinh tế tự nhiên, tự cung, tự cấp, kinh tế hàng hóa mang đến những ưu điểm đáng chú ý. Trong mô hình sản xuất hàng hóa, sản phẩm được tạo ra với mục đích bán ra thị trường, vì vậy nó phải tuân theo các quy luật về giá trị, cung cầu và cạnh tranh. Điều này đặt áp lực lên các tổ chức sản xuất và những người tham gia quá trình sản xuất, buộc họ phải tổ chức lại quy trình sản xuất, nâng cao công nghệ, tăng cường năng suất và chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, và thích ứng với nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Qua đó, quá trình này thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất, đẩy mạnh quá trình xã hội hóa sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho sự xuất hiện của nền sản xuất công nghiệp hóa

và hiện đại hóa. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng tập trung vào sản xuất hàng hóa nhằm đáp ứng sự phát triển của nền kinh tế thị trường, điều này phản ánh sự thích ứng với nhu cầu của người tiêu dùng và xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế [4].

2.2.2 Các tiêu chí đánh giá chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa

Theo Phạm Nguyệt Thương (2008) [4], chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp nhằm đạt được mục tiêu hiệu quả kinh tế. Đo lường hiệu quả kinh tế thực hiện thông qua việc so sánh giữa kết quả sản xuất kinh doanh và chi phí đầu tư để đạt được những kết quả đó. Dựa trên cơ sở này, hiệu quả của quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp được thể hiện chi tiết qua một số chỉ tiêu như sau:

- Sản lượng sản xuất và tỷ trọng tổng giá trị sản xuất của các ngành và các bộ phận trong hệ thống kinh tế nông nghiệp.

- Giá trị tăng thêm và tỷ trọng giá trị tăng thêm của các ngành, các bộ phận trong kinh tế nông nghiệp.

- Tỷ suất nông sản hàng hóa (tỷ lệ phần trăm giữa tổng lượng nông sản hàng hóa với tổng lượng nông sản sản xuất ra). Nhóm chỉ tiêu này phản ánh mối quan hệ giữa các bộ phận của nền kinh tế, đo lường mức độ sản xuất và trao đổi hàng hóa, đồng thời thể hiện sự đáp ứng nhu cầu xã hội về sản phẩm do các bộ phận trong khu vực kinh tế nông nghiệp đảm nhận. Đồng thời, nó cũng thể hiện tỷ trọng giữa các ngành, vùng, thành phần kinh tế và các bộ phận cấu thành chúng trong lĩnh vực nông nghiệp. Các chỉ tiêu trong nhóm này là biểu hiện của sự phát triển

kinh tế nông nghiệp, tức là sự gia tăng của yếu tố và sản phẩm kinh tế nông nghiệp trong khoảng thời gian cụ thể. Nhóm chỉ tiêu phản ánh hiệu quả kinh tế:

- Các chỉ tiêu trực tiếp bao gồm tăng trưởng kinh tế (GDP bình quân đầu người) chung và theo từng ngành trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp; giá thành sản phẩm và lợi nhuận ròng của từng loại sản phẩm, mỗi ngành và mỗi bộ phận cụ thể; năng suất lao động được đo lường cho từng ngành và từng loại sản phẩm trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp.

- Các chỉ tiêu gián tiếp bao gồm diện tích và phân bố cơ cấu đất đai; vốn và phân chia cơ cấu vốn; lao động và cơ cấu lao động; năng suất và phân bố cơ cấu các loại cây trồng và vật nuôi; cơ cấu các dạng sản phẩm.

3. KẾT QUẢ

3.1 Thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa ở tỉnh Quảng Ngãi

Năm 2022, giá trị sản xuất (GTSX) ngành nông nghiệp (theo giá so sánh năm 2010) đạt 8.944,09 tỷ đồng và tăng không đáng kể so với năm 2021 (0,63%). Tốc độ tăng trưởng bình quân/năm của chuyên ngành nông nghiệp giai đoạn 2020-2022 là 2%. Trong ngành nông nghiệp có sự chuyển dịch cơ cấu từ trồng trọt sang chăn nuôi. Năm 2022 so với năm 2021, tỷ trọng ngành trồng trọt giảm 2,5% và ngành chăn nuôi tăng 2,2%. Trồng trọt là ngành có thế mạnh trong nông nghiệp Quảng Ngãi, tuy nhiên những năm qua ngành chăn nuôi ngày càng được quan tâm và đóng góp ngày càng nhiều vào GTSX nông nghiệp với tốc độ tăng trưởng bình quân/năm giai đoạn 2020-2022 là 4,52% (Bảng 1).

Bảng 1. Giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp giai đoạn 2020-2022 (ĐVT: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Tốc độ tăng trưởng bình quân/năm
Nông nghiệp	8597,85	8888,08	8944,09	2,00%
Trồng trọt	5002,99	5186,98	4995,77	-0,07%
Chăn nuôi	3243,27	3326,75	3543,16	4,52%

Nguồn: tổng hợp từ Niên giám Thống kê [1]

3.1.1 Tổng quan ngành trồng trọt

Ngành trồng trọt giai đoạn 2019-2022 tốc độ tăng trưởng chậm, bình quân mỗi năm chỉ tăng ở mức 2,68%. Năm 2022, GTSX (Giá hiện hành) ngành trồng trọt đạt 8.485.273 tỷ đồng, giảm 0,64% so với năm 2021. Về cơ cấu, năm 2022, cây hàng năm đóng góp 93,33% cho GTSX ngành trồng trọt. Giai đoạn 2019-2022,

tỷ lệ này không thay đổi nhiều. Trong nội bộ cây hàng năm sự chuyển dịch chưa rõ nét. Giá trị sản xuất cây lương thực có hạt năm 2019 chiếm 36,21%, đến năm 2021 đạt 37,50% nhưng đến năm 2022 giảm còn 36,45%. Tỷ trọng GTSX cây công nghiệp ngắn ngày cũng giảm dần qua các năm; rau, đậu, cây cảnh giá trị tăng chậm, đạt 30,94% vào năm 2022 (Bảng 2).

Bảng 2. Cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt (%)

Năm	Tổng số	Cây hàng năm				Cây lâu năm		
		Tổng cây hàng năm	Lương thực có hạt	Rau, đậu, hoa, cây cảnh	Cây CN	Tổng cây lâu năm	Cây ăn quả	Cây CN
2019	100,0	94,38	36,21	31,13	5,24	5,62	3,00	1,23
2020	100,0	94,21	37,18	29,01	5,32	5,79	3,05	1,04
2021	100,0	94,33	37,50	29,07	4,58	5,67	2,39	0,95
2022	100,0	93,33	36,45	30,94	4,50	6,67	3,09	1,04

Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám Thống kê [1]

Giai đoạn 2021- 2022, đã thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa với tổng diện tích: 1.728,57 ha, bao gồm chuyển qua cây ngô: 366,56 ha; ngô sinh khối: 121,20 ha; lạc: 338,94 ha; rau các loại: 305,52 ha; đậu các loại: 44,78 ha; cây cỏ chăn nuôi 204,9 ha; các cây trồng khác: 346,69 ha. Diện tích chuyển đổi đã cho thu hoạch khá, có hiệu quả, nâng cao được giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích cao hơn so với trồng lúa. Diện tích chuyển đổi từ đất trồng sản sang đất trồng khác như ngô, lạc, rau các loại, ...: 674,4 ha.

Các địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã xây dựng 263 cánh đồng lớn, với tổng diện tích 4.857,10 ha; cây lạc 17 cánh đồng với tổng diện tích 303,80 ha; cây dưa hấu 11 cánh

đồng, tổng diện tích 163 ha. Cũng trong giai đoạn 2021-2022 này, đạt chứng nhận VietGap gồm có: 80 ha diện tích lúa, với sản lượng dự kiến 800 tấn/năm; 24,15 ha diện tích cây rau, sản lượng dự kiến 933,5 tấn/năm; 91,5 ha diện tích cây ăn quả, sản lượng dự kiến 1850,515 tấn/năm.

3.1.2 Tổng quan ngành chăn nuôi

Năm 2022, GTSX ngành chăn nuôi tăng mạnh đạt 7.260 tỷ, gấp gần 1,5 lần năm 2019 (5.038 tỷ đồng) (Bảng 3). Giai đoạn 2019-2022, chăn nuôi heo có tốc độ tăng trưởng cao trong toàn ngành chăn nuôi (19,81%); trâu, bò tốc độ tăng trưởng là 10,11%; gia cầm tốc độ tăng trưởng là 7,95%.

Bảng 3. Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi giai đoạn 2019-2022 theo giá hiện hành (ĐVT: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2019-2022
Trâu, bò	1.751.219	2.037.653	2.100.705	2.337.983	10,11%
Heo	1.792.137	3.546.791	3.463.998	3.082.338	19,81%
Gia cầm	1.343.929	1.474.069	1.517.135	1.690.839	7,95%
Tổng số	5.038.075	7.215.788	7.240.557	7.259.448	12,95%

Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám Thống kê [1]

Trong đó, giá trị sản xuất của nuôi heo chiếm tỷ trọng cao, năm 2020 chiếm 49,15 %; 2021 chiếm 47,84%; năm 2022 chiếm 42,46% (bảng 4). Cơ cấu sản phẩm ngành chăn nuôi

chuyển dịch đúng định hướng, giá trị sản xuất thịt heo chiếm tỷ trọng cao so với các sản phẩm chăn nuôi khác.

Bảng 4. Cơ cấu giá trị sản xuất ngành chăn nuôi (%)

Năm	Tổng số	Loại gia súc		
		Trâu, bò	Heo	Gia cầm
2019	100	34,76	35,57	26,68
2020	100	28,24	49,15	20,43
2021	100	29,01	47,84	20,95
2022	100	32,21	42,46	23,29

Nguồn: Tổng hợp Niên giám Thống kê [1]

Giai đoạn 2019-2022, ngành chăn nuôi tỉnh Quảng Ngãi đã từng bước chuyển dịch cơ cấu chăn nuôi từ quy mô nông hộ nhỏ lẻ sang hình thức chăn nuôi tập trung ở các trang trại, gia trại nhằm phát triển chăn nuôi theo hướng hàng hóa, kiểm soát tốt dịch bệnh và bảo vệ môi trường. Đến năm 2022, có 81 trang trại chăn nuôi tập trung, nhiều trang trại bắt đầu ứng dụng chăn nuôi tuần hoàn, công nghệ sinh học, nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao tạo ra nhiều sản phẩm có năng suất và chất lượng cao.

3.2 Đánh giá thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tỉnh Quảng Ngãi

3.2.1 Thuận lợi

Ngành nông nghiệp bước đầu hình thành vùng sản xuất tập trung theo hướng sản xuất hàng hoá. Thực hiện tốt công tác dồn điền, đổi

thửa, xây dựng cánh đồng lớn để hình thành nhiều vùng sản xuất tập trung, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ giới hóa và ứng dụng đồng bộ khoa học công nghệ vào sản xuất. Trong sản xuất áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới và quy trình tiên tiến, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu suất; các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị giữa sản xuất và tiêu thụ nông sản đã xuất hiện, đồng thời, tăng cường kinh tế hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp. Hoạt động xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, cùng với quan tâm đặc biệt đến nhãn mác và bao bì sản phẩm đều được chú trọng. Về mặt tự nhiên, Quảng Ngãi đang hưởng lợi từ nhiều điều kiện thuận lợi như diện tích rộng lớn, địa hình đa dạng, tài nguyên mặt nước phong phú và hệ sinh thái đa dạng. Nhờ vào những ưu điểm này, Quảng Ngãi có thể đa dạng hóa việc trồng trọt và chăn nuôi một cách hiệu quả.

3.2.2 Hạn chế

Nông nghiệp đang đối mặt với nhiều thách thức về bền vững, trong đó giá trị sản xuất không đạt đến mức cao, và thị trường tiêu thụ nông sản chưa ổn định với tình trạng giá bán biến động. Công tác dự báo thị trường chưa nhận được sự chú trọng, dẫn đến tình trạng tồn đọng nông sản, ảnh hưởng lớn đến thu nhập và cuộc sống của cộng đồng. Hiện tượng "được mùa mất giá, được giá mất mùa" vẫn là vấn đề. Sự phát triển của nông nghiệp theo chiều sâu đang gặp khó khăn, đặc biệt là trong việc xây dựng chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ. Mô hình liên kết bốn nhà (nhà nông – nhà doanh nghiệp – Nhà nước – nhà khoa học) chưa được thiết lập mạnh mẽ và nông dân vẫn gặp khó khăn trong việc "được mùa mất giá" và "được giá mất mùa". Cơ sở hạ tầng sản xuất chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu, đặc biệt là trong lĩnh vực thủy lợi ở một số địa phương. Sự thiếu hụt nước cho cây trồng, ảnh hưởng đến năng suất. Do đó, doanh nghiệp còn ngần ngại đầu tư vào việc liên kết với nông dân theo chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ. Cơ sở hạ tầng nông thôn và diện tích canh tác thấp cũng làm giảm hiệu quả của quá trình cơ giới hóa.

Sự phân tán và manh mún trong sản xuất, cùng với việc canh tác nhiều loại cây trên một diện tích, gây khó khăn trong quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất vẫn chưa đạt đến mức cao và việc ứng dụng mô hình hiệu quả chậm chạp. Công tác bảo quản và chế biến sau thu hoạch chưa phát triển, làm giảm giá trị gia tăng của nông sản. Mặc dù có hiệu quả khi sản xuất theo qui mô lớn, nhưng hạn chế về đất đai, thông tin và vốn khiến nông dân không dám đầu tư mạnh mẽ. Thiếu vốn đầu tư và khả năng tiếp cận nguồn tín dụng là vấn đề lớn, gây hạn chế trong quá trình phát triển nông nghiệp. Hệ thống thông tin thị trường chưa được cập nhật thường xuyên, và nông dân cũng chưa có khả năng tự tìm kiếm thông tin để nâng cao hiệu quả sản

xuất và tiêu thụ. Sự thiếu hụt về nguồn nguyên liệu đặc trưng làm hạn chế việc phát triển chuỗi giá trị sản phẩm và xây dựng thương hiệu nông sản. Các chương trình đào tạo và tập huấn kỹ thuật cũng còn hạn chế, làm giảm khả năng tiếp cận thông tin tiên bộ cho nông dân.

3.2.3 Các nguyên nhân gây hạn chế sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thứ nhất, thị trường đầu ra nông sản vẫn chưa ổn định: Các mô hình cánh đồng lớn, mặc dù mang lại nhiều kết quả tích cực trong vài năm gần đây, nhưng vẫn đối mặt với nhiều rủi ro trong việc liên kết sản xuất và tiêu thụ giữa nông hộ và doanh nghiệp. Sự phá vỡ hợp đồng bao tiêu vẫn là vấn đề, gây ảnh hưởng đáng kể đến sự phát triển của mô hình cánh đồng lớn. Đặc biệt, nông hộ trồng cây ăn trái phải phụ thuộc vào thương lái, và sự bất ổn trên thị trường trái cây ảnh hưởng đến hiệu suất sản xuất và quyết định mở rộng qui mô canh tác.

Thứ hai, cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ: Vấn đề này liên quan đến việc cơ sở hạ tầng không đáp ứng đầy đủ nhu cầu sản xuất, đặc biệt là trong lĩnh vực thủy lợi ở một số địa phương. Khả năng tiêu nước cho cây trồng chưa được đảm bảo, gây ngập úng và ảnh hưởng đến năng suất. Sự thiếu hụt này cản trở doanh nghiệp đầu tư vào liên kết với nông dân theo chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ.

Thứ ba, cơ chế chính sách chưa đạt hiệu quả mong muốn: Mặc dù ngành nông nghiệp Quảng Ngãi đã triển khai nhiều chính sách và chương trình hỗ trợ, nhưng hiệu quả vẫn còn nhiều hạn chế. Nguyên nhân chính là sự hạn chế về nhân lực và tài lực để triển khai chính sách từ Trung ương đến địa phương. Thêm vào đó, nhận thức của nông dân vẫn còn bị động, khi họ kỳ vọng vào cam kết hiệu quả chắc chắn từ các chương trình. Quy hoạch vùng nguyên liệu đặc sản chậm làm cho chuỗi giá trị liên kết với sản phẩm chủ lực của địa phương gặp khó khăn.

Thứ tư, nguồn lực của nông hộ hạn chế: Nhiều nông hộ ở Quảng Ngãi đối mặt với hạn chế về tài lực, vật lực và trí lực. Nguồn vốn đầu tư sản xuất nông nghiệp giới hạn, đất đai có qui mô trung bình và kiến thức về kỹ thuật canh tác còn hạn chế. Điều này khiến nhiều nông hộ không có đủ điều kiện mở rộng qui mô canh tác và áp dụng phương thức canh tác mới, dẫn đến sự giữ nguyên năng suất và hiệu quả đầu tư không có nhiều sự thay đổi tích cực.

4. THẢO LUẬN

Trên cơ sở các cách tiếp cận: (1) Tiếp cận từ kết quả phát hiện từ phân tích và đánh giá thực trạng, (2) Tiếp cận từ tham khảo bài học kinh nghiệm của một số địa phương, một số quốc gia, (3) Tiếp cận từ cơ chế, chính sách hỗ trợ, (4) Tiếp cận từ tham vấn ý kiến chuyên gia phát triển nông nghiệp. Từ các cách tiếp cận trên, bài viết xác định các nguyên nhân của những hạn chế về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, đây là cơ sở để đưa ra một số giải pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tỉnh Quảng Ngãi theo hướng sản xuất hàng hóa như sau:

Phát triển nông nghiệp theo chuỗi giá trị gắn với phát triển thương hiệu sản phẩm chủ lực của Quảng Ngãi:

Mục tiêu đạt được: Phát triển 2 đến 3 chuỗi giá trị liên quan đến thương hiệu chính của Quảng Ngãi, như hành tỏi Lý Sơn, trà nén Bình Phú, nếp ngự Sa Huỳnh, quế Trà Bồng, chè Minh Long, gà kiến, ớt xiêm Sơn Hà, nấm linh chi Giang Phong, gạo sạch Ấn Trà, mạch nha Kim Hồng, tỏi đen Volnaco, bánh tráng Huy Cường, cùng với các thương hiệu nước mắm truyền thống như Phương Loan, Đức Hải, Phát

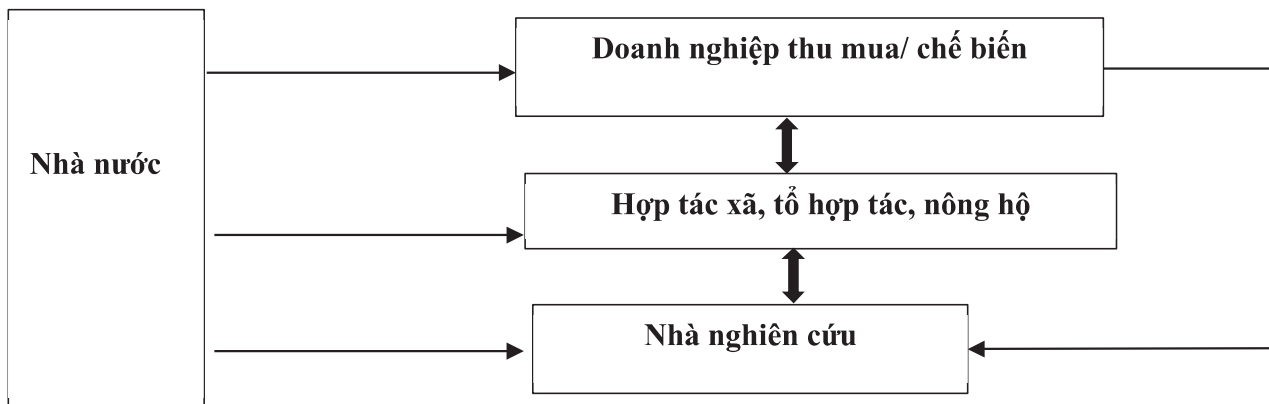
Hải... Điều này đóng góp vào việc củng cố giá trị thương hiệu và tăng cao giá trị gia tăng của sản phẩm.

Qui hoạch vùng nguyên liệu sản phẩm chủ lực:

Đề xuất việc lập kế hoạch vùng nguyên liệu cho các sản phẩm chủ lực dựa trên Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ, đã phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025 [2] và đang triển khai trên toàn quốc. Các yếu tố cần xem xét trong việc lập kế hoạch vùng nguyên liệu bao gồm: (1) Tận dụng lợi thế về vị trí địa lý, địa hình và điều kiện tự nhiên; (2) Đảm bảo qui mô diện tích đủ lớn để đáp ứng nhu cầu cung ứng ổn định; (3) Phát triển hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; (4) Đáp ứng tâm tư và nguyện vọng của cộng đồng nông hộ địa phương.

Thúc đẩy liên kết dọc và liên kết ngang chặt chẽ, hình thành chuỗi giá trị nông sản chủ lực của Quảng Ngãi:

Dựa trên nghiên cứu, nông dân không chỉ đối mặt với hạn chế về nguồn lực sản xuất mà còn chịu ảnh hưởng đáng kể từ sự biến động giá cả trên thị trường tiêu thụ. Việc ổn định giá cả đầu ra cho nông hộ trở thành một vấn đề cực kỳ quan trọng. Dưới đây là mô hình kết nối theo chiều dọc và chiều ngang, được đề xuất nhằm mục tiêu ổn định thị trường tiêu thụ cho nông hộ. Nếu mô hình này được triển khai thành công, nó sẽ đóng góp làm nổi bật một trong những giải pháp để phát triển chuỗi giá trị của các sản phẩm chủ lực địa phương, mang lại lợi ích cho cộng đồng nông dân (Hình 1).

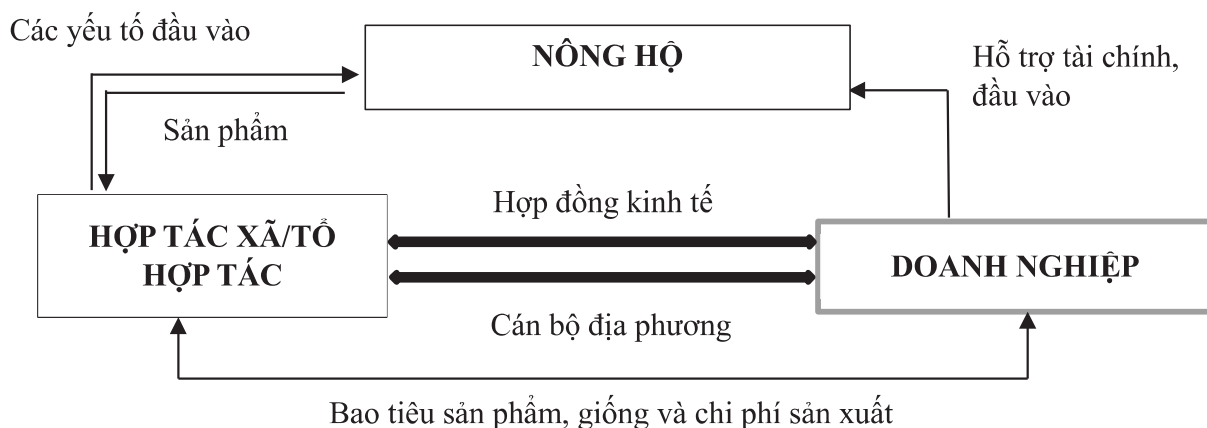


Hình 1. Mô hình liên kết dọc, liên kết ngang hình thành chuỗi giá trị nông sản chủ lực của địa phương

Có ba khả năng rủi ro chính mà mô hình phải đối mặt: (1) Rủi ro sản xuất, hoạt động sản xuất nông nghiệp chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố như thời tiết, dịch bệnh và kỹ thuật canh tác. Do đó, khả năng xảy ra rủi ro sản xuất là lớn và khi rủi ro này xảy ra, nó sẽ ảnh hưởng đáng kể đến hiệu suất của mô hình; (2) Rủi ro đầu ra doanh nghiệp, nếu không có khả năng tiêu thụ sản phẩm, có khả năng rủi ro lớn tại khâu đầu ra của doanh nghiệp. Điều này có thể đặt ra nếu năng lực của các doanh nghiệp tham gia mô hình

không đáp ứng được yêu cầu kinh doanh trong môi trường thị trường đầy thách thức; (3) Rủi ro hủy hợp đồng, khả năng hợp đồng bị hủy ngang và không thực hiện được cũng là một rủi ro. Để giảm thiểu rủi ro này, mô hình có thể áp dụng mô hình "Kết hợp đa bên và trung gian", như được mô tả trong Hình 2.

Mô hình "Kết hợp đa bên và trung gian" được đề xuất để đảm bảo giảm thiểu rủi ro trong việc giải quyết hợp đồng và duy trì sự ổn định của mô hình.



Hình 2. Mô hình kết hợp đa bên và trung gian trong việc đảm bảo hợp đồng liên kết

Mô hình liên kết doanh nghiệp và hợp tác xã đã trở thành một xu hướng phổ biến ở nước ngoài, với chính quyền địa phương đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ và tư vấn cho quá

trình ký kết hợp đồng giữa các bên tham gia. Trong khung hợp đồng, các doanh nghiệp cam kết cung cấp giống, chi phí sản xuất, và hướng dẫn kỹ thuật, đồng thời đảm bảo chất lượng sản

phẩm. Hợp tác xã và tổ hợp tác, từ phía họ, cam kết cung cấp đầu vào và giao hàng đúng chất lượng và thời điểm, với giá cả được thỏa thuận. Tuy nhiên, mô hình này không tránh khỏi những rủi ro và thách thức. Đối mặt với tình huống hợp đồng bị huỷ ngang, có thể do biến động thị trường, chính quyền địa phương có vai trò quan trọng trong việc giải quyết và trung gian hoà giải giữa các bên. Trong trường hợp doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc giải quyết đầu ra, các biện pháp như nâng cao kỹ năng quản lý và tiếp cận thông tin thị trường có thể giúp ổn định tình hình.

Một hướng tiếp cận khác là tăng cường mô hình liên kết dọc và liên kết ngang để ổn định thị trường đầu ra cho nông hộ. Điều này đòi hỏi sự hỗ trợ của doanh nghiệp, chính quyền địa phương, nhà khoa học, và hệ thống khuyến nông để giải quyết các vấn đề từ nguồn vốn đến kỹ thuật sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Đối với cả hai tình huống trên, việc giữ vững sự cân bằng trong hợp đồng và sự hỗ trợ tích cực từ cộng đồng và chính quyền địa phương là chìa khóa quan trọng để giảm thiểu rủi ro và đảm bảo bền vững cho mô hình hợp tác này. Để triển khai việc xây dựng và phát triển thương hiệu cho nông sản chủ lực một cách bài bản và chuyên nghiệp, ngành nông nghiệp Quảng Ngãi có thể thực hiện một số giải pháp quan trọng:

- Quản lý đất đai và ruộng đất: Tăng cường chính sách tích tụ ruộng đất và thiết lập cơ chế tạo quỹ đất công để hỗ trợ quy hoạch sản xuất nông nghiệp chuyên canh. Kế hoạch quy hoạch sản xuất nông nghiệp cần tích hợp công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn và đầu tư vào trang thiết bị máy móc hiện đại.

- Hỗ trợ và cung cấp giống chất lượng: Cung cấp giống chất lượng cao để thúc đẩy sự phát triển của các loại nông sản độc đáo và chất lượng. Tổ chức chương trình chuyển giao kỹ thuật canh tác, sử dụng phân bón và quản lý sản xuất để nâng cao năng suất và chất lượng nông sản.

- Xúc tiến thương mại: Tăng cường biện pháp xúc tiến thương mại, tham gia hội chợ triển lãm và quảng bá thương hiệu nông sản. Hợp tác với các đối tác để giới thiệu sản phẩm nông sản trong và ngoài nước.

- Nâng cao nhận thức và kiến thức: Nâng cao nhận thức của nông hộ, tổ hợp tác, hợp tác xã và doanh nghiệp về tầm quan trọng của việc xây dựng và phát triển thương hiệu. Tổ chức các chương trình giáo dục và truyền thông để tạo sự hiểu biết và hỗ trợ cho các nông hộ

- Quảng bá thương hiệu trên thị trường: Quảng bá thương hiệu thông qua các kênh phân phối như siêu thị, chợ đầu mối và cửa hàng bán lẻ. Tổ chức các sự kiện quảng bá như tour du lịch sinh thái để giới thiệu sản phẩm đến khách du lịch trong và ngoài nước.

- Nghiên cứu thị trường và phát triển sản phẩm: Đầu tư vào nghiên cứu thị trường để hiểu rõ nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng. Sản xuất sản phẩm đáp ứng đúng nhu cầu thị trường và tạo giá trị cho người tiêu dùng.

- Đầu tư vào công nghệ và máy móc: Đầu tư vào máy móc và trang thiết bị hiện đại để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong quá trình sản xuất và chế biến. Bằng cách này, ngành nông nghiệp có thể đảm bảo rằng việc xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản không chỉ là một quá trình bền vững mà còn mang lại giá trị cao cho cả nông dân và doanh nghiệp.

- Nâng cấp chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực của địa phương Quảng Ngãi theo hướng nông nghiệp công nghệ cao: Mục tiêu đạt được là hoàn thiện 3 đến 4 chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực tại địa phương Quảng Ngãi, bao gồm hành tỏi Lý Sơn, nếp ngự Sa Huỳnh, quế Trà Bồng, chè Minh Long, và nước mắm truyền thống. Mục tiêu là phát triển ngành nông nghiệp công nghệ cao, tăng năng suất, cải thiện chất lượng sản phẩm, nâng cao lợi thế cạnh tranh, và đảm bảo sự phát triển bền vững cho ngành hàng nông nghiệp chủ lực.

- Thay đổi nhận thức nông hộ về nông nghiệp công nghệ cao: Tổ chức chương trình khuyến nông mạnh mẽ, liên kết chặt chẽ với các đơn vị nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao. Chọn lựa nông dân điển hình và áp dụng các phương thức chuyển giao như hội thảo, tham quan học hỏi và mô hình điểm để thay đổi tư duy canh tác và tạo sự thuyết phục.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư tài lực và vật lực: Tổ chức các chương trình xúc tiến đầu tư cho ngành nông nghiệp, ưu tiên doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Nghiên cứu chiến lược marketing địa phương để xác định lợi thế và cạnh tranh, thu hút đầu tư mục tiêu và tiềm năng.

- Hoàn thiện chuỗi giá trị nông sản chất lượng cao: Tăng cường liên kết trong chuỗi giá trị nông sản, đặc biệt với siêu thị và chuỗi cửa hàng nông sản sạch. Khuyến khích sự hợp tác chặt chẽ giữa các tác nhân để nông sản công nghệ cao có thể tiếp cận thị trường rộng lớn và khó tính.

Các giải pháp khác:

- Cải tạo và nâng cấp hệ thống hạ tầng nông thôn: Thúc đẩy công tác đôn điền và đổi thửa để tạo ra các cánh đồng lớn, không chỉ ở đất lúa mà còn mở rộng đến các đất nông nghiệp khác. Tăng cường đầu tư vào hạ tầng nông thôn để cải thiện môi trường sản xuất và thuận lợi cho quá trình vận chuyển.

- Đầu tư hạ tầng và nâng cao trình độ kỹ thuật: Tạo các chính sách hỗ trợ nhằm nâng cao trình độ kỹ thuật cho nhà nông và cơ sở sản xuất nông nghiệp. Khuyến khích các hoạt động nghiên cứu và phát triển trong ngành nông nghiệp thông qua việc đầu tư vào các chương trình hỗ trợ nghiên cứu.

- Khuyến khích đầu tư vào các hệ thống sản xuất nông nghiệp thông minh và tự động hóa: Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đầu tư vào các hệ thống sản xuất nông nghiệp thông minh và tự động hóa. Xây dựng các cơ sở hạ tầng kỹ thuật để hỗ trợ triển khai và quản lý hệ thống này.

- Ứng dụng QR Code trong sản phẩm nông nghiệp: Khuyến khích sự áp dụng của công nghệ QR Code trong sản phẩm nông nghiệp tại tỉnh Quảng Ngãi. Tăng giá trị của sản phẩm thông qua việc cung cấp thông tin chi tiết về nguồn gốc, quy trình sản xuất, và chất lượng, từ đó tăng tính cạnh tranh trên thị trường.

5. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

Chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp từ mô hình truyền thống sang hướng sản xuất hàng hóa là một hành trình đòi hỏi sự cam kết và kiên nhẫn. Mặc dù quá trình này mang tính phức tạp và kéo dài, nhưng đây là bước quan trọng để nâng cao năng suất và hiệu quả trong ngành nông nghiệp. Bài viết đã trình bày một loạt các giải pháp để hỗ trợ quá trình chuyển đổi này. Đối với việc tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân, chúng tôi đã đề xuất mô hình hợp tác xã và tổ hợp tác, kèm theo các điều khoản rõ ràng trong hợp đồng liên kết. Các biện pháp khác như cải tạo hạ tầng nông thôn, đầu tư vào nâng cao trình độ kỹ thuật và hỗ trợ nghiên cứu trong ngành nông nghiệp cũng được đề cập để tạo ra một môi trường làm việc thúc đẩy sự đổi mới và phát triển. Tính đến các khía cạnh hiện đại hóa, việc khuyến khích đầu tư vào hệ thống sản xuất nông nghiệp thông minh và tự động hóa, cũng như sử dụng công nghệ QR Code để nâng cao giá trị sản phẩm, được xem xét để tạo ra sản phẩm nông nghiệp có tính cạnh tranh cao trên thị trường. Như vậy, những giải pháp này không chỉ hướng đến việc cải thiện năng suất và chất lượng sản phẩm mà còn mục tiêu đảm bảo sự bền vững và phát triển cho ngành nông nghiệp, từng bước đưa nó tiến vào hệ thống kinh tế sản xuất hàng hóa. Đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi: Ưu tiên chương trình chuyển giao công nghệ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi nên ưu tiên các chương trình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, nông

nghiệp hữu cơ và liên kết chuỗi giá trị. Điều này nhằm tập trung phát triển các mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh. Hỗ trợ đào tạo chuyên nghiệp: Đặt sự chú trọng vào công tác đào tạo và huấn luyện đội ngũ khuyến nông chuyên nghiệp. Đồng thời, đề xuất tích cực vận động các thành viên để tham gia mạnh mẽ trong mô hình liên kết 4 nhà, đảm bảo sự hỗ trợ và hợp tác chặt chẽ. Đối với Sở khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi: Ưu tiên đề tài phát triển thương hiệu; Sở khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi nên ưu

tiên triển khai các đề tài và chương trình tài trợ liên quan đến phát triển thương hiệu cho sản phẩm chủ lực của tỉnh. Cũng nên đặc biệt quan tâm đến việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các mặt hàng nông sản chủ lực. Triển khai dự án chuỗi giá trị: Đề xuất ưu tiên triển khai các dự án và đề án phát triển chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực của địa phương. Đồng thời, hỗ trợ phát triển nông nghiệp công nghệ cao trong tỉnh Quảng Ngãi để tạo ra sự đột phá trong sản xuất và chế biến.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cục thống kê tỉnh Quảng Ngãi. *Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi*. NXB Thống kê.
- [2] Chính phủ. (2022). *Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/08/2022 về phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021 - 2025*
- [3] Lê Đình Thắng (1998). Một số vấn đề về an toàn lương thực ở Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế và phát triển*, số.27 - tr.34-37.
- [4] Phạm Nguyệt Thương (2008). *Giải pháp chủ yếu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa của tỉnh Nghệ An* (Luận văn thạc sĩ kinh tế). Đại học Thái Nguyên.
- [5] UBND tỉnh Quảng Ngãi. (2022). *Quyết định số 23/BC-UBND ngày 28/01/2022, báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (2015 - 2020)*.